UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/QĐ-BDT

Đắk Nông, ngày 21 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức, lao động năm 2020

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Quyết định số 20/2004/QĐ-UBND, ngày 01/01/2004 của UBND tỉnh Đăk Nông V/v thành lập Ban Dân tộc thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND, ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐCP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 71/2014/TTLT-BTC-BNV, ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài Chính và Bộ Nội vụ, Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND, ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Thực hiện Quyết định số số 114/QĐ - BDT ngày 27/02/2020 của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông. Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Dân tộc tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi trả thu nhập tăng thêm cho 20 công chức, lao động năm 2020 với tổng kinh phí là 159.650.767 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Chi tiết có Danh sách đính kèm.

Điều 2. Văn phòng, Kế toán có trách nhiệm tham mưu thực hiện các thủ tục chi tra thu nhập tăng thêm cho công chức, lao động theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng phòng Nghiệp vụ, Kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Sở: Tài Chính; Nội vụ;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- TB, PTB BDT;
- Các phòng BDT
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG BAN

BAN DÂN TỘC

Phan Đình Hiến

DANH SÁCH

Chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức, lao động năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68 /QĐ-BDT, ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông)

TT	Mã ngạch công chức	Họ và tên	Chức vụ, ngạch bậc	Thành tiền được nhận
A	B	C	D	8=7x8/7
1	01,002	Phan Đình Hiến	Trưởng ban	19.607.921
2	01,002	K' Khét Atô	Phó Trưởng ban	13.840.885
3	01,002	Phạm Ngọc Linh	Trưởng phòng Nghiệp vụ	11.534.071
4	01,002	Y Ái Buôn Yă	Chánh Thanh Tra	11.534.071
5	01,003	Trần Viết Điệp	Chánh Văn phòng	11.534.071
6	01.003	Nguyễn Văn Khuê	Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ	11.534.071
7	01,002	Phùng Kim Quy	Phó Chánh Văn phòng	5.767.036
8	06,031	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Kế toán	11.534.071
9	01,003	Phan Ngọc Quân	Chuyên viên	5.767.036
10	01,003	Phạm Nguyên Vũ	Chuyên viên	2.883.518
11	01,003	Trần Thị Thuý	Chuyên viên	1.922.345
12	01,003	Nguyễn Cảnh Thọ	Chuyên viên	5.767.036
13	01,003	Hoàng Thị Thảo	Chuyên viên	5.767.036
14	01,003	Hoàng Thị Trưng	Chuyên viên	5.767.036
15	01,003	Nguyễn Minh Nghĩa	Chuyên viên	5.767.036
16	01,003	Trương Ngọc Châu	Chuyên viên	5.767.036
17	01,004	Lầu Bá Pềnh	Cán sự	5.767.036
18	01,008	H' Bình	Nhân viên	7.208.794
19	01,005	H' Mai	Nhân viên	5.767.036
20	01,005	Nguyễn Nhật Trình	Nhân viên	4.613.628
Tổng cộng				**159.650.767**

Đơn vị: Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông

Mã đơn vị SDNS: 1044959

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM NĂM 2020

(Theo Quyết định số số 114/QĐ - BDT ngày 27/02/2020

của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông)

TT	Mã ngạch công chức	Họ và tên	Chức vụ, ngạch bậc	Hệ số trách nhiệm (KTN)	Hệ số bình xét (KPL)	Số tháng thực tế làm việc trong năm (n)	Năm làm việc 12 tháng	Hệ số tính thu nhập tăng thêm	Tổng hệ số tính thu nhập tăng thêm (K)	Tổng kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm (QTN)	Thành tiền được nhận
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1x2x3/4	6	7	8=7x8/7
1	01,002	Phan Đình Hiến	Trưởng ban	0,85	0,8	12	12	0,68	5,537	159.650.767	19.607.921
2	01,002	K' Khét Atô	Phó Trưởng ban	0,60	0,8	12	12	0,48	5,537	159.650.767	13.840.885
3	01,002	Phạm Ngọc Linh	Trưởng phòng Nghiệp vụ	0,50	0,8	12	12	0,40	5,537	159.650.767	11.534.071
4	01,002	Y Ái Buôn Yă	Chánh Thanh Tra	0,50	0,8	12	12	0,40	5,537	159.650.767	11.534.071
5	01,003	Trần Viết Điệp	Chánh Văn phòng	0,50	0,8	12	12	0,40	5,537	159.650.767	11.534.071
6	01.003	Nguyễn Văn Khuê	Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ	0,40	1,0	12	12	0,40	5,537	159.650.767	11.534.071
7	01,002	Phùng Kim Quy	Phó Chánh Văn phòng	0,40	0,5	12	12	0,20	5,537	159.650.767	5.767.036
8	06,031	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Kế toán	0,40	1,0	12	12	0,40	5,537	159.650.767	11.534.071
9	01,003	Phan Ngọc Quân	Chuyên viên	0,25	0,8	12	12	0,20	5,537	159.650.767	5.767.036
10	01,003	Phạm Nguyên Vũ	Chuyên viên	0,25	0,8	6	12	0,10	5,537	159.650.767	2.883.518
11	01,003	Trần Thị Thuý	Chuyên viên	0,25	0,8	4	12	0,07	5,537	159.650.767	1.922.345
12	01,003	Nguyễn Cảnh Thọ	Chuyên viên	0,25	0,8	12	12	0,20	5,537	159.650.767	5.767.036
13	01,003	Hoàng Thị Thảo	Chuyên viên	0,25	0,8	12	12	0,20	5,537	159.650.767	5.767.036
14	01,003	Hoàng Thị Trưng	Chuyên viên	0,25	0,8	12	12	0,20	5,537	159.650.767	5.767.036
15	01,003	Nguyễn Minh Nghĩa	Chuyên viên	0,25	0,8	12	12	0,20	5,537	159.650.767	5.767.036
16	01,003	Trương Ngọc Châu	Chuyên viên	0,25	0,8	12	12	0,20	5,537	159.650.767	5.767.036
17	01,004	Lầu Bá Pềnh	Cán sự	0,25	0,8	12	12	0,20	5,537	159.650.767	5.767.036
18	01,008	H' Bình	Nhân viên	0,25	1,0	12	12	0,25	5,537	159.650.767	7.208.794
19	01,005	H' Mai	Nhân viên	0,20	1,0	12	12	0,20	5,537	159.650.767	5.767.036
20	01,005	Nguyễn Nhật Trình	Nhân viên	0,20	0,8	12	12	0,16	5,537	159.650.767	4.613.628
CỘNG :								**5,537**			**159.650.767**

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Trần Viết Điệp

Kế toán

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết Trinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

BAN DÂN TỘC

Phan Đình Hiến

K là tổng hệ số thu nhập của đơn vị $K = K_{PL1} * K_{TN1} * n_1/12 + K_{PL2} * K_{TN2} * n_2/12 + \dots + K_{PLi} * K_{TNi} * n_i/12$ (i là số cán bộ của đơn vị);

K_{PL} là hệ số phân loại của từng cán bộ;

K_{TN} là hệ số trách nhiệm của từng cán bộ.

n là số tháng làm việc thực tế của từng cán bộ:

Q_{TN} là kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được trong năm 2020: 159.650.767 đồng.

Như vậy, kết quả phân phối kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được cho từng cán bộ, công chức (q_{TN}) như sau:

TT	Mã ngạch công chức	Họ và tên	Chức vụ, ngạch bậc	Thành tiền được nhận
A	B	C	D	8=7x8/7
1	01,002	Phan Đình Hiến	Trưởng ban	19.607.921
2	01,002	K' Khét Atô	Phó Trưởng ban	13.840.885
3	01,002	Phạm Ngọc Linh	Trưởng phòng Nghiệp vụ	11.534.071
4	01,002	Y Ái Buôn Yă	Chánh Thanh Tra	11.534.071
5	01,003	Trần Viết Điệp	Chánh Văn phòng	11.534.071
6	01.003	Nguyễn Văn Khuê	Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ	11.534.071
7	01,002	Phùng Kim Quy	Phó Chánh Văn phòng	5.767.036
8	06,031	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Kế toán	11.534.071
9	01,003	Phan Ngọc Quân	Chuyên viên	5.767.036
10	01,003	Phạm Nguyên Vũ	Chuyên viên	2.883.518
11	01,003	Trần Thị Thuý	Chuyên viên	1.922.345
12	01,003	Nguyễn Cảnh Thọ	Chuyên viên	5.767.036
13	01,003	Hoàng Thị Thảo	Chuyên viên	5.767.036
14	01,003	Hoàng Thị Trưng	Chuyên viên	5.767.036
15	01,003	Nguyễn Minh Nghĩa	Chuyên viên	5.767.036
16	01,003	Trương Ngọc Châu	Chuyên viên	5.767.036
17	01,004	Lầu Bá Pềnh	Cán sự	5.767.036
18	01,008	H' Bình	Nhân viên	7.208.794
19	01,005	H' Mai	Nhân viên	5.767.036
20	01,005	Nguyễn Nhật Trình	Nhân viên	4.613.628
Tổng cộng				**159.650.767**

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng.

CHÁNH VĂN PHÒNG	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TRƯỞNG BAN
Trần Viết Điệp	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Phan Đình Hiến

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
BAN DÂN TỘC TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 20 tháng 01 năm 2021

BẢNG XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG ĐƯỢC PHÉP CHI TRẢ THU NHẬP TĂNG THÊM NĂM 2020

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐCP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP.

Căn cứ Thông tư 71/2014/TTLT-BTC-BNV, ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài Chính và Bộ Nội vụ, Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 2079/QĐ-UBND, ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND, ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2020. Trên cơ sở thu chi thực tế tại cơ quan trong năm 2020. Ban Dântộc tỉnh Đắk Nông xác định quỹ tiền lương được phép chi trả tiền thu nhập tăng thêm trong năm 2020 như sau:

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên tự chủ được giao trong năm: 3.040.000.000 đồng

2. Nguồn kinh phí chi thường xuyên tự chủ đã sử dụng trong năm: 2.880.349.233 đồng.

3. Nguồn kinh phí tiết kiệm được: 159.650.767 đồng.

- ***Sử dụng chi trả thu nhập tăng thêm năm 2020:*** **159.650.767 đồng.**

4 . Xác định quỹ tiền lương trong năm:

- Quỹ tiền lương trong năm:

QTL = Lmin x (K1 + K2) x L x 12 tháng

Trong đó: + Lmin = 1.490.000 đồng

+ L là số biên chế hiện có mặt: Từ tháng 01 đến tháng 12 là 20 người;

+ K1 = 3,425 (tổng hệ số lương)

+ K2 = 0,455 (K2 là hệ số lương cấp bậc, chức vụ, thâm niên vượt khung, trách nhiệm bình quân).

Vậy quỹ tiền lương trong năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh theo theo quy định là:

QTL= 1.490.000 đồng x 3,881 x 20 người x 12 tháng = 1.387.686.667 đồng.

Như vậy: Kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được trong năm bổ sung thu nhập cho công chức, lao động năm 2020 nhỏ hơn 1,0 lần Quỹ tiền lương trong năm (159.650.767 đồng < 1.387.686.667đồng).

5. Phân phối kinh phí tiết kiệm được cho từng cán bộ, công chức:

Thu nhập của từng cán bộ (q_{TN}) được tính như sau :

$q_{TN} = Q_{TN} * K_{PL} * K_{TN} * n/12/K$

Trong đó :